|  |  |
| --- | --- |
| **Trường: THCS&THPT MENSA**  **Tổ: Toán Tin** |  |

**CHỦ ĐỀ D: ĐẠO ĐỨC, PHÁP LUẬT VÀ VĂN HÓA TRONG MÔI TRƯỜNG SỐ**

# BÀI GIAO TIẾP VÀ TÍNH NHÂN VĂN TRONG ỨNG XỬ

# TRÊN KHÔNG GIAN MẠNG

Môn học: Tin Học; Lớp: 12

Thời gian thực hiện: 2 tiết

**I.MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

Bài học cung cấp những kiến thức:

* Ưu và nhược điểm về giao tiếp trong thế giới ảo qua các ví dụ cụ thể.
* Tính nhân văn trong ứng xử ở một số tình huống tham gia thế giới ảo.

**2. Về năng lực**

Bài học góp phần củng cố và phát triển cho học sinh những năng lực với biểu hiện cụ thể như sau:

***\* Năng lực chung:***

* *Năng lực học tập, tự học:* HS biết tự tìm kiếm, chuẩn bị và lựa chọn tài liệu, phương tiện học tập trước giờ học, quá trình tự giác tham gia các và thực hiện các hoạt động học tập cá nhân trong giờ học ở trên lớp,…
* *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Khả năng phân công và phối hợp thực hiện nhiệm vụ học tập.
* *Năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo:* HS đưa ra các phương án trả lời cho câu hỏi, bài tập xử lý tình huống, vận dụng kiến thức, kĩ năng của bài học để giải quyết vấn đề thường gặp.

***\* Năng lực tin học:***

* Hiểu được khái niệm không gian mạng.
* Phân tích được ưu và nhược điểm về giao tiếp trong không gian mạng.

**3. Về phẩm chất**

* Phát triển năng lực tư duy, phân tích và phê phán của HS.
* Khuyến khích sáng tạo và tư duy logic trong việc áp dụng kiến thức.

**II**. **THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên**

- Chuẩn bị Bài giảng, máy chiếu, phòng máy có kết nối mạng

**2. Học sinh**

- Sách giáo khoa, vở ghi

- Kiến thức đã học

**III**. **TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a) Mục tiêu:** Hiểu được tính nhân văn trong thế giới thực và thế giới ảo.

**b) Nội dung:** HS dựa vào hiểu biết để đưa ra ý kiến trả lời câu hỏi **Khởi động** SGK trang 31.

**c) Sản phẩm:** Từ yêu cầu, HS vận dụng sự hiểu biết để trả lời câu hỏi **Khởi động** SGK trang 31.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1:** **GV chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV chia lớp thành 4 nhóm học tập, cho HS xem video về văn hoá ứng xử trên mạng xã hội <https://www.youtube.com/watch?v=FgevMppuay8>, sau đó nêu câu hỏi **Khởi động** SGK trang 31 cho các nhóm thảo luận:

*Theo em, tính nhân văn trong thế giới ảo có khác với tính nhân văn trong thế giới thực hay không? Em hãy giải thích rõ thêm.*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập:**

- Các nhóm HS thảo luận và trả lời câu hỏi **Khởi động** SGK trang 31.

- GV quan sát quá trình các nhóm thảo luận, giải đáp thắc mắc nếu HS chưa rõ.

**Bước 3:** **Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận:**

- GV mời một số nhóm báo cáo kết quả thảo luận.

***Gợi ý trả lời:***

*Tính nhân văn trong thế giới ảo không khác với tính nhân văn trong thế giới thực.*

*Nhân văn là văn hoá của xã hội loài người, tính nhân văn thể hiện qua cách đối xử công bằng, tôn trọng quyền lợi và phẩm giá của mỗi người cũng như là sự quan tâm, tấm lòng từ bi bác ái. Tính nhân văn là nền tảng cho nhiều nguyên tắc đạo đức và luật pháp trong xã hội hiện đại. Đồng thời là một giá trị cốt lõi trong nhiều nền văn hoá và tôn giáo trên khắp thế giới. Do đó, dù trong thế giới thực hay thế giới ảo đều cần ứng xử có nhân văn.*

- Các nhóm khác lắng nghe và góp ý.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện:**

GV đánh giá kết quả của HS, dẫn dắt HS vào bài học mới: *Với tốc độ phát triển công nghệ cùng những tiện ích đi kèm, mạng xã hội ngày càng trở thành một công cụ, một kênh giao tiếp, kết nối quan trọng của con người hiện đại. Từ một thế giới ảo thuần túy tồn tại song hành và tách biệt, mạng xã hội đang biến đổi rất nhanh, trở thành phương tiện tác động ngày càng trực tiếp, sâu và nhanh vào mọi mặt của đời sống xã hội. Bên cạnh rất nhiều lợi ích vượt trội, sự phát triển quá nhanh của mạng xã hội cũng kéo theo nhiều hệ lụy, trong đó, văn hóa ứng xử trên không gian mạng đang là mối quan tâm lớn. Vậy để hiểu rõ hơn về những ưu điểm và nhược điểm của giao tiếp trong không gian mạng cũng như thể hiện được tính nhân văn trong không gian mạng, chúng ta sẽ cùng nhau đến với* ***Bài: Giao tiếp và tính nhân văn trong ứng xử trên không gian mạng.***

**2.** **HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Ưu điểm của giao tiếp qua không gian mạng**

**a) Mục tiêu:** Tổng hợp và liệt kê lại các ưu điểm của giao tiếp qua không gian mạng.

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ; HS tìm hiểu nội dung mục *1. Ưu điểm của giao tiếp qua không gian mạng*, kết hợp với những hiểu biết thực tiễn, thảo luận nhóm thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** Ưu điểm của giao tiếp qua không gian mạng.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm 2 – 3 HS và trả lời các câu hỏi:  *+ Giao tiếp qua không gian mạng được thực hiện như thế nào?*  *+ Thế nào là giao tiếp đồng bộ và giao tiếp không đồng bộ qua không gian mạng?*  *+ Giao tiếp qua không gian mạng là đồng bộ hay không đồng bộ?*  *+ Giao tiếp qua không gian mạng có những ưu điểm gì?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập:**  - HS tìm hiểu nội dung mục 1 SGK tr.31 – 32 và thảo luận theo nhóm thực hiện nhiệm vụ.  - GV quan sát và trợ giúp HS.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận:**  - Đại diện các nhóm HS trả lời.  - Các nhóm khác đưa ra ý kiến nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện:**  - GV nêu nhận xét, chính xác hoá lại các nội dung trả lời của HS. | **1. Ưu điểm của giao tiếp qua không gian mạng**  - Giao tiếp qua không gian mạng được thực hiện bằng các phương tiện kĩ thuật số như: email, mạng xã hội, chat trực tuyến,...  - Giao tiếp qua không gian mạng có thể là đồng bộ hoặc không đồng bộ.  + **Giao tiếp đồng bộ** là việc giao tiếp diễn ra trong thời gian thực, hai bên tham gia cùng lúc, đan xen nhau trong quá trình giao tiếp.  *Ví dụ:* các cuộc gọi điện thoại, cuộc gọi video, chat trực tuyến,...  + **Giao tiếp không đồng bộ** là người gửi tin có thể không nhận được phản hồi ngay từ người nhận sau khi gửi tin nhắn.  *Ví dụ:* gửi email, nhắn tin trên Facebook, Zalo,...  Hầu hết giao tiếp qua không gian mạng là không đồng bộ.  - Giao tiếp qua không gian mạng có nhiều ưu điểm như:  + Không phụ thuộc vào thời gian và địa điểm, có thể xảy ra mọi lúc, mọi nơi.  *Ví dụ:* Dù không ở trường, học sinh vẫn có thể dễ dàng giao tiếp với thầy cô qua email, tin nhắn,...  + Cho phép một số lượng lớn người cùng tham gia một lúc và việc gửi, nhận tin của mỗi người đều không bị ảnh hưởng.  + Tạo điều kiện thuận lợi cho việc lưu trữ thông tin.  *Ví dụ:* Thầy, cô giáo giải thích bài học, hướng dẫn làm bài tập từng bước được lưu lại và học sinh có thể xem lại khi cần.  + Góp phần xoá bỏ mặc cảm, giảm nhẹ các rào cản ở bước đầu giao tiếp.  *Ví dụ:* Học sinh bớt nhút nhát hơn khi trao đổi với thầy, cô giáo; người bình thường có thể trao đổi tự nhiên hơn với các lãnh đạo cấp cao, người nổi tiếng....  + Cung cấp một nền tảng giúp những người khiếm khuyết ngoại hình, khiếm thính hoặc khiếm ngôn dễ dàng giao tiếp mà không cần người hỗ trợ. |

**Hoạt động 2: Một số vấn đề tiềm ẩn của giao tiếp qua không gian mạng**

**a) Mục tiêu:** Giúp HS nhận biết được một số vấn đề tiềm ẩn của giao tiếp qua không gian mạng.

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ; HS tìm hiểu nội dung mục *2. Một số vấn đề tiềm ẩn của giao tiếp qua không gian mạng*, kết hợp với những hiểu biết thực tiễn, thảo luận nhóm thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** Một số vấn đề tiềm ẩn của giao tiếp qua không gian mạng.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS đọc **Hoạt động 1** SGK trang 32 và trả lời câu hỏi:  *Giao tiếp qua không gian mạng có rất nhiều ưu điểm. Theo em, giao tiếp qua không gian mạng có mặt trái hay không? Việc dạy và học hoàn toàn qua mạng mà không cần đến lớp học trực tiếp có nhược điểm gì không?*  - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm 2 – 3 HS và trả lời các câu hỏi:  *+ Việc giao tiếp qua không gian mạng tiềm ẩn những vấn đề gì?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập:**  - HS tìm hiểu nội dung mục 2 SGK tr.32 và thảo luận theo nhóm thực hiện nhiệm vụ.  - GV quan sát và trợ giúp HS.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận:**  - Đại diện các nhóm HS trả lời.  - Các nhóm khác đưa ra ý kiến nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện:**  - GV nêu nhận xét, chính xác hoá lại các nội dung trả lời của HS. | **2. Một số vấn đề tiềm ẩn của giao tiếp qua không gian mạng**  - Do thiếu ngôn ngữ hình thể, thiếu các tín hiệu cảm xúc, thiếu âm điệu của tiếng nói, giao tiếp qua tin nhắn văn bản có thể xảy ra hiểu lầm vì diễn giải sai ý nghĩa của lời văn.  *Ví dụ:* một trò đùa có thể bị nhầm là chuyện nghiêm túc, câu trả lời ngắn khi đang bận rộn (nhưng cố gắng nói chuyện) có thể bị hiểu là không muốn bị làm phiền.  - Sự dễ dãi khi viết tin nhắn là một yếu tố dẫn đến kĩ năng viết kém, sai chính tả, sai ngữ pháp, sử dụng từ viết tắt tuỳ tiện đang trở thành vấn đề đáng lo ngại.  - Sự lười biếng do thói quen lạm dụng công nghệ.  *Ví dụ:* Gửi tin nhắn đến một người ở ngay cùng phòng thay vì đến gần để trò chuyện trực tiếp.  - Nguy cơ bị nghiện Internet, dành quá nhiều thời gian trên không gian mạng để  giao lưu, dẫn đến ít trải nghiệm cuộc sống thực, ngây ngô trong giao tiếp, khó hoà nhập với cộng đồng.  - Một số nguy cơ khác như: bị rình rập, quấy rối, bắt nạt....  - Một số rủi ro như có thể bị lộ hoặc mất thông tin cá nhân, bị mất kết nối,... |
| **Hướng dẫn trả lời câu hỏi Hoạt động 1** **tr.32 SGK:**  *+ Giao tiếp qua không gian mạng vẫn có một số mặt trái:*   * *Giao tiếp qua tin nhắn văn bản có thể xảy ra hiểu lầm vì diễn giải sai ý nghĩa của lời văn, âm điệu của tiếng nói.* * *Sự dễ dãi khi viết tin nhắn (lỗi chính tả, sai ngữ pháp, sử dụng từ viết tắt tuỳ tiện) là một yếu tố dẫn đến kĩ năng viết kém.* * *Sự lười biếng do lạm dụng công nghệ.* * *Nguy cơ bị nghiện Internet do dành quá nhiều thời gian trên không gian mạng.* * *Một số nguy cơ khác như: bị rình rập, quấy rối, bắt nạt,...* * *Một số rủi ro như có thể bị lộ thông tin cá nhân, bị mất kết nối.*   *+ Việc dạy và học hoàn toàn qua mạng mà không cần đến lớp học trực tiếp có nhược điểm sau: Học sinh không có nhiều cơ hội trao đổi với bạn bè, không có ngôn ngữ hình thể, thiếu tín hiệu cảm xúc làm giảm khả năng truyền đạt, nảy sinh các khó khăn liên quan đến mạng và thiết bị dạy học qua mạng.* | |

**Hoạt động 3: Ứng xử nhân văn trên không gian mạng**

**a) Mục tiêu:** Cung cấp cho HS giải nghĩa rõ ràng, chi tiết hơn về các khía cạnh của tính nhân văn; một số tình huống cụ thể trên không gian mạng và cách ứng xử nhân văn tương ứng.

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ; HS tìm hiểu nội dung mục *3. Ứng xử nhân văn trên không gian mạng*, kết hợp với những hiểu biết thực tiễn, thảo luận nhóm thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** HS phân tích được tính nhân văn trong ứng xử ở một số tình huống tham gia thế giới ảo.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS đọc **Hoạt động 2** SGK trang 33 và trả lời câu hỏi:  *Ở các lớp dưới, những bài học thuộc chủ đề “Đạo đức, pháp luật và văn hoá trong môi trường số" đã đề cập đến việc giao tiếp qua mạng một cách văn minh, phù hợp với các quy tắc và văn hoá ứng xử. Theo em, ứng xử nhân văn trên không gian mạng có gì khác?*  - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm 2 – 3 HS và trả lời các câu hỏi:  *+ Ứng xử nhân văn được thể hiện như thế nào?*  *+ Thế nào là một người nhân văn? Nêu ví dụ.*  *+ Cùng với sự phát triển của công nghệ thông tin, hoạt động lừa đảo, chiếm đoạt tài sản trên không gian mạng diễn biến ngày càng phức tạp với nhiều phương thức, thủ đoạn tinh vi. Em hãy tìm hiểu và nêu một số ví dụ cụ thể.*  *+ Công nghệ kĩ thuật số giúp chúng ta thể hiện tính nhân văn trên không gian mạng như thế nào?*  *+ Hãy kể tên một số hoạt động giúp em thể hiện được sự ứng xử nhân văn trên không gian mạng.*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập:**  - HS tìm hiểu nội dung mục 3 SGK tr.33 – 34 và thảo luận theo nhóm thực hiện nhiệm vụ.  - GV quan sát và trợ giúp HS.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận:**  - Đại diện các nhóm HS trả lời.  - Các nhóm khác đưa ra ý kiến nhận xét.  **Hướng dẫn trả lời câu hỏi Hoạt động 2** **tr.33 SGK:**  *Ứng xử nhân văn trong thế giới ảo không khác với ứng xử nhân văn trong thế giới thực. Vì tính nhân văn trong thực tế như thế nào thì thể hiện trong thế giới ảo như vậy.*  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện:**  - GV nêu nhận xét, chính xác hoá lại các nội dung trả lời của HS.  - GV tóm tắt bài học:   * ***Giao tiếp qua không gian mạng mang lại nhiều tiện lợi nhưng cũng có những nhược điểm và tiềm ẩn khả năng gây ra một số vấn đề về lâu dài.*** * ***Ứng xử nhân văn trên không gian mạng là thể hiện tình người, ủng hộ và thực hiện việc tốt, phản đối và tránh làm việc xấu, góp phần tạo ra hiệu ứng xã hội tích cực, lan toả những giá trị nhân văn.*** | **3. Ứng xử nhân văn trên không gian mạng**  - Nhân văn là văn hoá của xã hội loài người. Con người ứng xử nhân văn thể hiện:  + **Có tình người:** chân thành, đồng cảm và thấu hiểu với người khác; độ lượng, vị tha và khoan dung.  + **Có tính người:** yêu cái tốt, thích cái đẹp, ghét cái xấu, chống cái ác; ủng hộ công bằng và lẽ phải, giúp đỡ và bảo vệ kẻ yếu.  + **Có tính xã hội loài người:** mong muốn một xã hội thịnh vượng, người người hạnh phúc.  Trong không gian mạng, các tình huống ứng xử tương tự như trong cuộc sống thực,  còn thêm phần đa dạng, phong phú hơn. Tùy bối cảnh cụ thể, tính nhân văn được thể hiện khác nhau nhưng đều phản ánh một nền tảng văn hoá tốt, một nhân cách đẹp của con người.  *Một số ví dụ về ứng xử nhân văn trên không gian mạng*  - Người nhân văn là người có văn hoá, không làm việc xấu, đồng thời có phản ứng mạnh mẽ với người xấu, việc xấu. Ví dụ:  + Không mạo danh, giả làm người khác với bất kì mục đích gì, kể cả là vui đùa, giải trí.  + Không tiếp tay cho kẻ bắt nạt, quấy rối trên không gian mạng, không tham gia phát tán những nội dung có tính bắt nạt, quấy rối.  + Bày tỏ sự không đồng tình và phê phán; phản đối việc bắt nạt, quấy rối.  - Một số chiêu trò lừa đảo qua mạng thường thấy, cần cảnh giác, không được đồng tỉnh hay vô ý tiếp tay cho người xấu: + Nhử mồi (baiting) qua mạng, hứa hẹn một vật phẩm, hàng hoá hoặc phần thưởng  để dụ dỗ nạn nhân, lừa tiền hay đánh cắp dữ liệu.  + Dùng công cụ làm giả hoàn hảo (deepfake) để lừa người thiếu cảnh giác.  Ứng xử nhân văn trên không gian mạng là thận trọng suy xét để không bị lợi dụng, vô tình tiếp tay hỗ trợ bọn xấu trong những việc như trên.  - Ứng xử nhân văn trên không gian mạng nhằm góp phần tạo ra hiệu ứng xã hội tích cực, lan toả những giá trị nhân văn. Công nghệ kĩ thuật số giúp ta dễ dàng bày tỏ thái độ bằng lời văn, tiếng nói hay đơn giản là dùng các biểu tượng cảm xúc để thể hiện:  + Sự đồng cảm khi biết tin tức về thiên tai, thảm hoạ gây thiệt hại về tài sản vật chất hay tính mạng con người với đồng bào của mình.  + Sự ủng hộ, đánh giá cao, ca ngợi sự việc tích cực, người tốt, việc tốt.  + Sự không đồng tình, phản đối, phê phán sự việc tiêu cực, người xấu, việc xấu.  - Để thể hiện sự ứng xử nhân văn trên không gian mạng một cách tích cực cần tham gia trực tiếp vào các hoạt động vì những giá trị nhân văn như:  + Vận động ủng hộ và tham gia trực tiếp ủng hộ đồng bào bị thiệt hại về tài sản vật chất hay tính mạng trong thiên tai, thảm hoạ.  + Đưa tin phản ánh chân thực và ca ngợi người tốt, việc tốt.  + Phát hiện, phê phán sự việc tiêu cực, cái xấu, người xấu theo cách có văn hoá và đạo đức. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Giúp HS củng cố kiến thức đã học trong bài.

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ cho HS, HS hoàn thành phiếu bài tập.

**c) Sản phẩm học tập:**

- Phiếu bài tập.

- HS hiểu rõ những ưu điểm và mặt trái tiềm ẩn của việc giao tiếp qua không gian mạng.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV tổng hợp các kiến thức cần ghi nhớ cho HS.

- GV cho HS làm phiếu bài tập.

|  |
| --- |
| **Trường THPT:………………………………………….**  **Lớp:……………………………………………………...**  **Họ và tên:………………………………………………..**  **PHIẾU BÀI TẬP TIN HỌC 12**  **ĐỊNH HƯỚNG TIN HỌC ỨNG DỤNG – CÁNH DIỀU**  **BÀI: GIAO TIẾP VÀ TÍNH NHÂN VĂN TRONG ỨNG XỬ  TRÊN KHÔNG GIAN MẠNG**  **A. PHẦN TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN**  *Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước câu trả lời đúng nhất:*  **Câu 1.** Phương án nào sau đây **không** phải là một phương thức giao tiếp qua không gian mạng?  A. Mạng xã hội.  B. Diễn đàn trực tuyến.  C. Thư giấy.  D. FaceTime.  **Câu 2.** Phương án nào sau đây **không** phải là một ưu điểm của giao tiếp qua không gian mạng?  A. Tạo điều kiện thuận lợi cho việc lưu trữ thông tin.  B. Bảo mật tuyệt đối.  C. Không phụ thuộc vào thời gian và địa điểm, có thể xảy ra mọi lúc, mọi nơi.  D. Góp phần xoá bỏ mặc cảm, giảm nhẹ các rào cản ở bước đầu giao tiếp.  **Câu 3.** Kĩ thuật nào sau đây giúp tạo ra những nội dung giả mạo để lừa người thiếu cảnh giác?  A. Deepfake.  B. Deep learning.  C. Phishing.  D. Baiting.  **Câu 4.** Phát biểu nào sau đây **sai**?  A. Chat trực tuyến là một phương thức giao tiếp đồng bộ qua không gian mạng.  B. Giao tiếp qua không gian mạng đặc biệt hữu ích khi tổ chức các buổi họp trực tuyến với số lượng người tham gia rất lớn ở nhiều địa điểm cách xa nhau.  C. Tính nhân văn là nền tảng của mối quan hệ tốt đẹp giữa con người với con người, giữa con người với môi trường xung quanh và rộng hơn là môi trường sống trên Trái Đất của toàn nhân loại.  D. “Nội dung trò chuyện có thể được lưu trữ lại để tham khảo trong tương lai” là một nhược điểm của giao tiếp qua không gian mạng.  **B. PHẦN TRẮC NGHIỆM ĐÚNG – SAI**  **Câu 1.** Giao tiếp qua không gian mạng được thực hiện bằng các phương tiện kĩ thuật số.  **a.** Giao tiếp qua không gian mạng không bị hạn chế về thời gian và khoảng cách.  **b.** Hầu hết giao tiếp qua không gian mạng là giao tiếp đồng bộ.  **c.** Quá trình giao tiếp qua không gian mạng có thể bị gián đoạn do đường truyền Internet.  **d.** Dành quá nhiều thời gian trên không gian mạng để giao lưu dẫn đến ít trải nghiệm cuộc sống thực, ngây ngô trong giao tiếp, khó hoà nhập với cộng đồng.  **C. PHẦN TỰ LUẬN (Luyện tập SGK tr.34)**  **Câu 1.** Vì sao giao tiếp qua không gian mạng vừa có ưu điểm, vừa có mặt trái tiềm ẩn?  **Câu 2.** Theo em, ứng xử nhân văn trên không gian mạng dễ hơn hay khó hơn khi đối mặt trực tiếp? Vì sao?  ………………………………………………………………………………………...  ………………………………………………………………………………………...………………………………………………………………………………………...………………………………………………………………………………………...………………………………………………………………………………………...………………………………………………………………………………………...………………………………………………………………………………………...………………………………………………………………………………………...………………………………………………………………………………………...………………………………………………………………………………………...………………………………………………………………………………………...  ………………………………………………………………………………………...………………………………………………………………………………………...………………………………………………………………………………………...………………………………………………………………………………………...………………………………………………………………………………………...………………………………………………………………………………………...………………………………………………………………………………………...………………………………………………………………………………………...………………………………………………………………………………………...………………………………………………………………………………………...  ………………………………………………………………………………………...………………………………………………………………………………………... |

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập:**

- HS suy nghĩ, hoàn thành các bài tập GV yêu cầu.

- GV quan sát và hỗ trợ, hướng dẫn HS.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận:**

- HS trả lời nhanh câu hỏi trắc nghiệm.

- Mỗi bài tập GV mời 1 đến 2 HS trình bày. Các HS khác chú ý chữa bài, theo dõi nhận xét bài làm của các bạn.

**Gợi ý đáp án:**

**A. PHẦN TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu 1** | **Câu 2** | **Câu 3** | **Câu 4** |
| C | B | A | D |

**B. PHẦN TRẮC NGHIỆM ĐÚNG – SAI**

***Câu 1.***

***a.*** *Đ*

***b.*** *S*

***c.*** *Đ*

***d.*** *Đ*

**C. PHẦN TỰ LUẬN**

***Câu 1.*** *Giao tiếp qua không gian mạng vừa có ưu điểm, vừa có mặt trái tiềm ẩn vì:*

*+ Không có sự gặp mặt trực tiếp.*

*+ Ưu điểm và nhược điểm là hai mặt của một vấn đề. Nếu lạm dụng thì ưu điểm sẽ biến thành nhược điểm.*

***Câu 2.*** *Ứng xử nhân văn trên không gian mạng dễ hơn khi đối mặt trực tiếp. Vì không thấy được ngôn ngữ hình thể, cử chỉ, điệu bộ của người đối diện.*

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện:**

- GV chữa bài, chốt đáp án, tuyên dương các hoạt động tốt, nhanh và chính xác.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức đã học để trả lời các câu hỏi.

**b) Nội dung:** HS hoàn thành hoạt động **Vận dụng** và các **Câu hỏi tự kiểm tra** SGK tr.34.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân trả lời câu hỏi phần **Vận dụng** và các **Câu hỏi tự kiểm tra** SGK tr.34.

***Vận dụng:*** *Em hãy kể lại một tình huống đáng nhớ về ứng xử nhân văn trên không gian mạng. Điều ấn tượng nào khiến em nhớ về tình huống đó?*

***Câu hỏi tự kiểm tra:***

***Câu 1.*** *Giao tiếp qua không gian mạng mang lại những tiện lợi gì?*

***Câu 2.*** *Giao tiếp qua không gian mạng có nhược điểm gì? Về lâu dài có thể gây ra những vấn đề gì?*

***Câu 3.*** *Tính nhân văn thể hiện ở những điều gì?*

***Câu 4.*** *Nêu ví dụ về ứng xử nhân văn trên không gian mạng.*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ.

- GV quan sát và hỗ trợ khi HS cần.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận**

- GV cho HS trả lời.

***Gợi ý trả lời:***

***Vận dụng:***

*Một tình huống đáng nhớ về ứng xử nhân văn trên không gian mạng là khi một thành viên trong một diễn đàn trực tuyến nhận ra một bài đăng của người khác gặp khó khăn và cần sự giúp đỡ. Thành viên này đã tận tâm giúp đỡ bằng cách cung cấp thông tin hữu ích, chia sẻ kinh nghiệm và động viên.*

*Điều ấn tượng trong tình huống này là sự tình nguyện và sẵn sàng giúp đỡ của thành viên trong diễn đàn. Thay vì chỉ xem bài đăng và lướt qua, người đó đã dành thời gian, tâm huyết để đồng cảm và giúp đỡ người khác. Hành động này thể hiện một tinh thần nhân văn, sự quan tâm và tình nguyện tích cực trên không gian mạng, tạo ra một khối lượng thông tin tích cực và xây dựng một cộng đồng trực tuyến văn minh.*

***Câu 1.*** *Giao tiếp qua không gian mạng mang lại những tiện lợi sau:*

*+ Không phụ thuộc vào thời gian và địa điểm, có thể xảy ra mọi lúc, mọi nơi.*

*+ Cho phép một số lượng lớn người cùng tham gia một lúc và việc gửi, nhận tin của mỗi người đều không bị ảnh hưởng.*

*+ Tạo điều kiện thuận lợi cho việc lưu trữ thông tin.*

*+ Góp phần xoá bỏ mặc cảm, giảm nhẹ các rào cản ở bước đầu giao tiếp.*

*+ Cung cấp một nền tảng giúp những người khiếm khuyết ngoại hình, khiếm thính hoặc khiếm ngôn dễ dàng giao tiếp mà không cần người hỗ trợ.*

***Câu 2.*** *Nhược điểm của giao tiếp qua không gian mạng:*

*+ Do thiếu ngôn ngữ hình thể, thiếu các tín hiệu cảm xúc, thiếu âm điệu của tiếng nói, giao tiếp qua tin nhắn văn bản có thể xảy ra hiểu lầm vì diễn giải sai ý nghĩa của lời văn.*

*+ Sự dễ dãi khi viết tin nhắn là một yếu tố dẫn đến kĩ năng viết kém, sai chính tả, sai ngữ pháp, sử dụng từ viết tắt tuỳ tiện đang trở thành vấn đề đáng lo ngại.*

*+ Sự lười biếng do thói quen lạm dụng công nghệ.*

*+ Nguy cơ bị nghiện Internet, dành quá nhiều thời gian trên không gian mạng để giao lưu, dẫn đến ít trải nghiệm cuộc sống thực, ngây ngô trong giao tiếp, khó hoà nhập với cộng đồng.*

*+ Một số nguy cơ khác như: bị rình rập, quấy rối, bắt nạt....*

*+ Một số rủi ro như có thể bị lộ hoặc mất thông tin cá nhân, bị mất kết nối,...*

***Câu 3.*** *Tính nhân văn thể hiện ở ứng xử có tình người, có tính người, có tính xã hội loài người.*

***Câu 4.*** *Ví dụ về ứng xử nhân văn trên không gian mạng:*

*Bày tỏ thái độ bằng lời văn, tiếng nói hay đơn giản là dùng các biểu tượng cảm xúc để thể hiện:*

*+ Sự đồng cảm khi biết tin tức về thiên tai, thảm hoạ gây thiệt hại về tài sản vật chất hay tính mạng con người với đồng bào của mình.*

*+ Sự ủng hộ, đánh giá cao, ca ngợi sự việc tích cực, người tốt, việc tốt.*

*+ Sự không đồng tình, phản đối, phê phán sự việc tiêu cực, người xấu, việc xấu.*

- HS khác quan sát, lắng nghe, nhận xét và bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**

- GV chuẩn kiến thức và kết thúc tiết học.

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

* Ghi nhớ kiến thức trong bài.
* Hoàn thành các bài tập trong SBT.
* Chuẩn bị bài mới ***Bài 1*** *–* ***Làm quen với ngôn ngữ đánh dấu siêu văn bản****.*